TAND HUYỆN P **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2025/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 20 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HƯNG YÊN

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Lưu Đình D, sinh năm 1982;

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Tống Thị H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Lưu Huyền Tr, sinh ngày 07/9/2007;

+ Cháu Lưu Quang H, sinh ngày 15/3/2011;

+ Cháu Lưu Quang Th, sinh ngày 05/8/2013;

Cùng địa chỉ: thôn T, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu Tr, cháu H, cháu Th: Anh Lưu Đình D và chị Tống Thị H là bố mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lưu Đình D và chị Tống Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện P ngày 25/9/2006 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị bình thường, đến năm 2012 vợ chồng anh

chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị H cho rằng anh D đi làm không gửi tiền về cho chị nuôi các con, không quan tâm gì đến mẹ con chị. Còn anh D có quan điểm, anh không gửi tiền về cho chị H một phần là do anh làm ăn không Th lợi nên không có tiền gửi về cho chị H và một phần anh nghi ngờ chị H sống không chung thuỷ với anh nên anh chán nản cũng không liên lạc và không quan tâm gì đến chị H nữa. Anh D và chị H không chung sống cùng nhau từ năm 2013 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không ai còn quan tâm và không ai còn trách nhiệm với ai. Đến nay, cả anh D và chị H đều khẳng định không còn tình cảm vợ chồng dành cho nhau, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D và chị H đã thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn, yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho hai anh chị theo quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung:* Anh Lưu Đình D và chị Tống Thị H xác nhận, vợ chồng anh chị có 03 con chung là các cháu Lưu Huyền Tr, sinh ngày 07/9/2007; cháu Lưu Quang H, sinh ngày 15/3/2011 và cháu Lưu Quang Th, sinh ngày 05/8/2013. Ly hôn, anh D và chị H thoả thoả nhất trí giao cả 03 con chung là cháu Tr, cháu H, cháu Th cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 5/2025 cho đến khi các cháu Tr, cháu H, cháu Th đủ 18 tuổi. Anh D và chị H thoả thuận, hàng tháng anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị H mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi các cháu Tr, cháu H, cháu Th đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Lưu Đình D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Lưu Đình D và chị Tống Thị H tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] *Về công sức đóng góp, ruộng canh tác chung*: Anh Lưu Đình D và chị Tống Thị H đều xác định, vợ chồng anh chị không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về lệ phí Tòa án:* Anh Lưu Đình D và chị Tống Thị H thỏa thuận, chị H nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận Th tình ly hôn.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 12/5/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Th đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lưu Đình D và chị Tống Thị H thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh Lưu Đình D và chị Tống Thị H xác nhận, vợ chồng anh chị có 03 con chung là các cháu Lưu H Tr, sinh ngày 07/9/2007; cháu Lưu

Quang H, sinh ngày 15/3/2011 và cháu Lưu Quang Th, sinh ngày 05/8/2013. Ly hôn, anh D và chị H thoả thuận nhất trí giao cả 03 con chung là cháu Tr, cháu H, cháu Th cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 5/2025 cho đến khi các cháu Tr, cháu H, cháu Th đủ 18 tuổi. Anh D và chị H thoả thuận, hàng tháng anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị H mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng (*hai triệu đồng*), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi các cháu Tr, cháu H, cháu Th đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Lưu Đình D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Lưu Đình D và chị Tống Thị H tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.4. *Về công sức đóng góp, ruộng canh tác chung*: Anh Lưu Đình D và chị Tống Thị H đều xác định, vợ chồng anh chị không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Anh Lưu Đình D và chị Tống Thị H thỏa thuận, chị H tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0004607 ngày 07/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Phòng thanh tra, kiểm tra & THA-TAND tỉnh H Yên;
- UBND xã Quang H, GCNKH số 31/2006;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền